

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN**

Số 306/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Biên, ngày 18 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng
xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật số 35/2018 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch nông thôn;

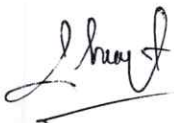
Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Hướng dẫn số 2255/HD-SXD ngày 09/9/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc xác định, quản lý chi phí lập, thẩm định, phê duyệt chi phí lập quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Hướng dẫn số 2257/HD-SXD ngày 09/9/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3612/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND huyện



Tân Biên về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035;

Căn cứ Công văn số 74/SXD-QHPTĐT ngày 08/01/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh ý kiến đề án quy hoạch chung xây dựng xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 65/TTr-KTHT ngày 14/6/2024 về việc phê duyệt Đề án quy hoạch chung xây dựng xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt đề án Quy hoạch chung xây dựng xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035 với các nội dung sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

Xã Thạnh Bình nằm ở phía Đông huyện Tân Biên, gồm 08 ấp: Thạnh Tân, Thạnh Hòa, Thạnh Phước, Thạnh Lộc, Thạnh Lợi, Thạnh An, Thạnh Phú, và Thạnh Thọ. Diện tích tự nhiên toàn xã là 11.171,36 ha.

a) Quy mô diện tích:

Quy mô diện tích lập quy hoạch chung xã Thạnh Bình đến năm 2035: 11.171,36 ha.

Giới hạn tứ cận phạm vi lập quy hoạch chung xã:

- + Phía Bắc giáp với xã Thạnh Bắc.
- + Phía Nam giáp xã Tân Phong.
- + Phía Đông giáp xã Tân Hiệp, Thạnh Đông, Tân Phú huyện Tân Châu.
- + Phía Tây giáp với xã Thạnh Tây, xã Tân Lập.

b) Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng:
- + Dân số hiện trạng toàn xã: 13.594 người.
- Dự báo quy mô dân số khu vực lập quy hoạch:
- + Giai đoạn ngắn hạn đến 2030: khoảng 15.000 - 17.000 người.
- + Giai đoạn dài hạn đến 2035: khoảng 17.000 - 20.000 người.

2. Mục tiêu quy hoạch

a) Mục tiêu chung:

- Cụ thể hóa đề án quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.



- Cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tân Biên giai đoạn 2021 - 2030 và quy hoạch sử dụng đất huyện Tân Biên thời kỳ 2021 - 2030.

- Làm cơ sở lập các quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn và lập các dự án đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Định hướng phát triển không gian và phân khu chức năng trong xã Thạnh Bình một cách hợp lý để khai thác hiệu quả đất đai, đảm bảo dự phát triển kinh tế xã hội và giữ gìn cảnh quan, môi trường.

- Tổ chức hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, cải thiện điều kiện ở và làm việc của người dân trên địa bàn xã, phục vụ cho phát triển sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Đầu tư xây dựng xã Thạnh Bình đạt tất cả các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, để đảm bảo phát triển nông thôn bền vững theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 được Thủ tướng chính phủ ban hành tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022.

3. Tính chất – chức năng

a) Tính chất:

- Xã Thạnh Bình là xã nông nghiệp.
- Trung tâm xã kết hợp với khu dân cư tập trung và các điểm dân cư nông thôn.

b) Chức năng:

- Quy hoạch chung xây dựng xã Thạnh Bình gồm các khu chức năng sau:

- + Khu ở (gồm các thôn, xóm nhà ở và các công trình phục vụ).
- + Khu trung tâm xã.
- + Các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất.
- + Các công trình hạ tầng xã hội của xã.
- + Các công trình kỹ thuật hạ tầng của xã.

4. Thời hạn lập quy hoạch

- Thời hạn quy hoạch chung xây dựng xã Thạnh Bình đến năm 2035. Gồm 02 giai đoạn:

- + Giai đoạn ngắn hạn: 2023 – 2030.
- + Giai đoạn dài hạn: 2030 - 2035.



5. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo

5.1. Tổ chức điểm dân cư trung tâm xã (Điểm dân cư số 1)

- Vị trí: Thuộc ấp Thạnh Lợi, nằm dọc theo tuyến ĐT.795.
- Tính chất: là điểm dân cư trung tâm xã, có mật độ cao, kết hợp DVTM.
- Các khu chức năng của trung tâm xã:
 - Trung tâm hành chính, văn hóa, công cộng, dịch vụ thương mại của xã, ...
 - Khu ở trung tâm: phát triển mở rộng, đáp ứng các nhu cầu đất ở mới của xã.
- Xây dựng các trung tâm dịch vụ thương mại, khu vui chơi giải trí, cây xanh tập trung.
- Diện tích: khoảng 152,89 ha.
- Quy mô dân số: Dự kiến đến năm 2035, dân số vào khoảng 4.000 người.
- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển loại hình nhà vườn, nhà liên kế.

5.2. Tổ chức các điểm dân cư tập trung

a) Điểm dân cư Số 2 (ấp Thạnh Phú).

- Vị trí: Nằm về phía Tây trung tâm xã thuộc ấp Thạnh Phú.
- Diện tích: 123,73 ha.
- Quy mô dân số đến năm 2035: khoảng 2.200 người.
- Tính chất: là điểm dân cư nông thôn có mật độ thấp, kết hợp DVTM.
- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển loại hình nhà vườn và nhà liên kế.

b) Điểm dân cư Số 3 (ấp Thạnh An)

- Vị trí: Nằm về phía Tây giáp ranh giới xã Thạnh Tây và Thạnh Bình.
- Diện tích: 209,97 ha.
- Quy mô dân số đến năm 2035: khoảng 3.000 người.
- Tính chất: là điểm dân cư nông thôn có mật độ thấp, kết hợp DVTM.
- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển loại hình nhà vườn và nhà liên kế.

c) Điểm dân cư Số 4 (ấp Thạnh Tân, Thạnh Hòa)

- Vị trí: Nằm về phía Nam xã Thạnh Bình, tiếp giáp ĐH.793 thuộc ấp Thạnh Tân, Thạnh Hòa.

Thuy

- Diện tích: 23,73 ha.
- Quy mô dân số đến năm 2035: khoảng 600 người.
- Tính chất: là điểm dân cư nông thôn có mật độ thấp, kết hợp sản xuất nông nghiệp.

- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển loại hình nhà vườn.

d) Điểm dân cư Số 5 (ấp Thạnh Hòa)

- Vị trí: Nằm về phía Đông xã Thạnh Bình, dọc theo đường ĐT.795, gần giao điểm ĐT.795 và ĐT.793 thuộc ấp Thạnh Hòa.

- Diện tích: 181,65 ha.

- Quy mô dân số đến năm 2035: khoảng 3.000 người.

- Tính chất: là điểm dân cư nông thôn có mật độ thấp, kết hợp sản xuất nông nghiệp.

- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển loại hình nhà vườn.

e) Điểm dân cư Số 6 (ấp Thạnh Phước)

- Vị trí: Nằm về phía Bắc suối Ky, gần trại giam Cây Cây thuộc ấp Thạnh Phước.

- Diện tích: 105,21 ha.

- Quy mô dân số đến năm 2035: khoảng 2.000 người.

- Tính chất: là điểm dân cư nông thôn có mật độ thấp, kết hợp sản xuất nông nghiệp.

- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển loại hình nhà vườn.

f) Điểm dân cư số 7 (ấp Thạnh Lộc)

- Vị trí: Nằm về phía Đông trung tâm xã, tại giao lộ giữa ĐT.795 và đường ĐH.Thạnh Bình - Cầu Xe Be thuộc ấp Thạnh Lộc.

- Diện tích: 116,59 ha.

- Quy mô dân số đến năm 2035: khoảng 2.000 người.

- Tính chất: là điểm dân cư nông thôn có mật độ thấp, kết hợp sản xuất nông nghiệp;

- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển loại hình nhà vườn và nhà liền kề.

g) Điểm dân cư số 8 (ấp Thạnh Thọ)



- Vị trí: Nằm về phía Bắc xã Thạnh Bình, giao điểm của đường ĐH. Thạnh Bình - Xóm Chàm và ĐT.797 thuộc ấp Thạnh Thọ.

- Diện tích: 170,92 ha.

- Quy mô dân số đến năm 2035: khoảng 3.200 người.

- Tính chất: là điểm dân cư nông thôn có mật độ thấp, kết hợp sản xuất nông nghiệp;

- Kiến trúc nhà ở: Chủ yếu phát triển loại hình nhà vườn và nhà liền kề.

6. Định hướng hệ thống công trình công cộng, dịch vụ

a) Trung tâm hành chính xã:

- Vị trí: tại ấp Thạnh Lợi, vị trí UBND xã hiện hữu.

- Gồm các công trình:

+ Trụ sở UBND xã (0,34 ha).

+ Ban Chỉ huy quân sự xã (0,10 ha).

+ Hình thức: Nâng cấp, cải tạo.

b) Y tế:

- Trạm y tế xã tại ấp Thạnh Lợi (0,14 ha).

- Hình thức: Nâng cấp, cải tạo.

c) Các không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng:

- Gồm có Trung tâm Văn hóa Thể thao và Học tập cộng đồng, các nhà văn hóa ấp, sân tập thể thao đơn giản, công viên – Thể dục thể thao:

+ Trung tâm Văn hóa Thể thao và Học tập cộng đồng 0,21 ha tại ấp Thạnh Lợi (giữ nguyên hiện hữu).

+ Nhà văn hóa kết hợp sân tập thể thao đơn giản ấp Thạnh Tân: 0,11 ha tại ấp Thạnh Tân (mở rộng).

+ Nhà văn hóa kết hợp sân tập thể thao đơn giản ấp Thạnh Phước: 0,08 ha tại ấp Thạnh Phước (xây mới).

+ Nhà văn hóa kết hợp sân tập thể thao đơn giản ấp Thạnh Lộc: 0,08 ha tại ấp Thạnh Lộc (mở rộng)

+ Nhà văn hóa kết hợp sân tập thể thao đơn giản ấp Thạnh An: 0,08 ha tại ấp Thạnh An (hiện trạng).



+ Nhà văn hóa kết hợp sân tập thể thao đơn giản ấp Thạnh Thọ: 0,09 ha tại ấp Thạnh Thọ (mở rộng).

+ Nhà văn hóa kết hợp sân tập thể thao đơn giản ấp Thạnh Phú: 0,08 ha tại ấp Thạnh Phú (mở rộng).

+ Nhà văn hóa ấp Thạnh Lợi: 0,03 ha tại ấp Thạnh Lợi (giữ nguyên hiện hữu).

+ Nhà văn hóa ấp Thạnh Hòa: 0,03 ha tại ấp Thạnh Hòa (giữ nguyên hiện hữu).

+ Sân thể thao ấp Thạnh Lợi: 0,72 ha (Cải tạo).

+ Sân thể thao ấp Thạnh Hòa: 0,09 ha (Xây mới).

+ Sân bóng đá thuộc ấp Thạnh An: 1,87 ha (Xây mới).

+ Khu công viên – TDTT thuộc ấp Thạnh Phú: 1,07 ha (Xây mới).

+ Khu công viên – TDTT thuộc ấp Thạnh Lộc: 1,09 ha (Xây mới).

+ Khu công viên – TDTT ấp Thạnh Tân: 0,71 ha (Xây mới).

+ Khu công viên – TDTT ấp Thạnh Thọ: 1,74 ha (Xây mới).

+ Khu công viên - TDTT ấp Thạnh Phước: 0,67 (Xây mới).

- Hình thức: Nâng cấp cải tạo các nhà văn hóa hiện hữu; xây dựng mới thêm các công viên cây xanh, sân thể dục thể thao để đạt chỉ tiêu cây xanh, thể dục thể thao $\geq 4m^2$ /người theo quy định.

d) Các công trình giáo dục:

Nâng cấp, cải tạo các trường học hiện có, gồm:

- Trường mầm non Bình Minh: 0,36 ha tại ấp Thạnh Lộc.

- Trường mầm non Vành Khuyên: 0,32 ha tại ấp Thạnh Lợi.

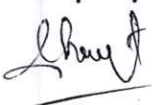
- Trường Tiểu học Thạnh Bình A: 0,77 ha tại ấp Thạnh Lợi.

- Trường Tiểu học Thạnh Bình A (cơ sở 1): 0,57 ha tại ấp Thạnh An.

- Trường Tiểu học Thạnh Bình A (cơ sở 2): 0,79 ha tại ấp Thạnh Phú.

- Trường Tiểu học Thạnh Bình (điểm Thạnh Lộc): 0,59 ha tại ấp Thạnh Lộc.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, bổ sung, mở rộng không gian dành cho các hoạt động ngoại khóa, TDTT của học sinh tại các trường học hiện hữu.



- Mở rộng 01 trường Mầm non, 01 trường Trung học cơ sở để đảm bảo chỉ tiêu về giáo dục theo cấp học cho dân số dự báo:

- Trường mầm non Vành Khuyên: 0,52 ha tại ấp Thạnh An.
- Trường THCS Thạnh Bình: 1,17 ha tại ấp Thạnh Lợi.

e) Công trình thương mại dịch vụ:

- Nâng cấp, cải tạo chợ Thạnh Bình hiện hữu: 0,21 ha tại ấp Thạnh Lợi.
- Xây mới trung tâm thương mại dịch vụ: 3,01 ha tại ấp Thạnh Lộ.

f) Bưu chính viễn thông:

Nâng cấp, cải tạo bưu điện hiện hữu: 0,06 ha tại ấp Thạnh Lợi.

g) Công trình công cộng khác

Công trình trường tiểu học Thạnh Bình B (thuộc ấp Thạnh Tân, Thạnh Hòa, Thạnh Phước) hiện trạng dừng hoạt động, nhà văn hóa ấp Thạnh Phước hiện hữu đã xuống cấp định hướng không chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhằm giữ gìn diện tích đất công xây dựng các công trình tiện ích trong tương lai.

7. Định hướng tổ chức các khu sản xuất nông nghiệp

a) Phân vùng sản xuất:

Toàn xã được phân bố gồm 03 vùng sản xuất chính:

- Vùng I: Quy hoạch vùng trồng cây lâu năm (cây trồng chủ yếu: cao su, sầu riêng) với diện tích 4.623,83 ha, tập trung về phía Bắc đường tỉnh ĐT.795.

- Vùng II: Quy hoạch vùng trồng cây hàng năm (cây ăn quả, mía, mì...) với diện tích 1.858,40 ha, tập trung tại ấp Thạnh Lộ, Thạnh Lợi, Thạnh Hòa được giới hạn bởi đường tỉnh ĐT.795D, ĐT.795C.

- Vùng III: Quy hoạch vùng trồng cây lâu năm (cây trồng chủ yếu: cao su, sầu riêng) với diện tích 2.126,30 ha, tập trung về phía Nam đường tỉnh ĐT.795.

b) Định hướng sản xuất:

- Vùng sản xuất nông nghiệp là vùng chủ yếu của xã, với các loại cây trồng chủ yếu: cao su, cây ăn trái. Phần lớn diện tích đất trồng cao su hiện nay do người dân hộ cá thể quản lý và khai thác. Nhìn chung, vùng canh tác nông nghiệp của xã đã ổn định trong nhiều năm qua.

- Khu sản xuất nông nghiệp: Toàn bộ diện tích trồng trọt cao su, cây lâu năm và cây hàng năm, giữ nguyên hình thái sử dụng đất khu vực này. Triển khai thực hiện các dự án trang trại chăn nuôi trên địa bàn xã (Trang trại chăn nuôi gia

súc của Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Anh Tân Biên; Trang trại chăn nuôi gà của nhà đầu tư Lê Trúc Thuận; Trang trại nuôi heo của Công ty Chăn nuôi Hoàng Vân Phát; Trang trại nuôi heo của Công ty TNHH Chăn nuôi Thạnh Phước; Trang trại nuôi heo của Công ty TNHH Đầu tư Trang Trại Xanh 2; Trang trại nuôi heo của Công ty TNHH Mevius Farm Thạnh Bình,...) và các dự án nông nghiệp khác như (Dự án trồng nấm trong nhà và cây dược liệu của ông Nguyễn Hải Chung, Công ty TNHH QLFarm – Tây Ninh,....

- Khu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ CN. Các xí nghiệp không gây độc hại nằm xen lẫn khu dân cư vẫn giữ lại.

- Đảm bảo khả năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp thông qua hệ thống kênh thủy lợi và các sông suối: Kênh tiêu, Suối Sắn Máu, Suối Mây, suối Bì Ba,...

8. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng thống kê sử dụng đất toàn xã

Giai đoạn		Hiện trạng 2021	Đến năm 2030		Đến năm 2035	
Dân số (người)		13.594,00	15.000-17.000		17.000-20.000	
STT	Chức năng	Diện tích (ha)	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² /người)
1	Đất nông nghiệp	10.206,54	9.885,12		9.732,70	
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	9.763,69	9.325,59		9.175,02	
1.1.1	Đất trồng lúa	120,42	0,00		0,00	
1.1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	1.881,09	1.797,12		1.797,12	
1.1.3	Đất trồng cây lâu năm	7.762,18	7.528,47		7.377,90	
1.2	Đất rừng đặc dụng	380,70	380,70		379,92	
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	13,73	10,57		9,50	
1.4	Đất nông nghiệp khác	48,42	168,26		168,26	
2	Đất xây dựng	886,51	1.207,93	710,55	1.360,35	680,17
2.1	Đất ở	91,11	162,34	95,50	229,63	114,82
2.2	Đất công cộng	10,00	8,72	5,13	10,05	5,03
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan	1,02	0,45		0,45	
	UBND xã		0,34		0,34	
	Công an xã		0,10		0,10	
2.2.2	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,84	0,64		0,75	
	Trung tâm văn hóa - Thể thao và học tập cộng đồng		0,18		0,21	

Chuy

Giai đoạn		Hiện trạng 2021	Đến năm 2030		Đến năm 2035	
Dân số (người)		13.594,00	15.000-17.000		17.000-20.000	
STT	Chức năng	Diện tích (ha)	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Chỉ tiêu (m ² /người)
	Nhà văn hóa - sân thể thao ấp		0,46		0,54	
2.2.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	0,20	0,14		0,14	
	Trạm y tế xã		0,14		0,14	
2.2.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	7,50	5,13		5,13	
	Trường mầm non		1,21		1,21	
	Trường tiểu học		2,74		2,74	
	Trường THCS		1,17		1,17	
2.2.5	Đất chợ	0,28	0,21		0,21	
2.2.6	Đất trung tâm thương mại dịch vụ	0,00	1,80		3,01	
2.2.7	Đất bưu chính viễn thông	0,16	0,06		0,06	
2.2.8	Đất công cộng khác	0,00	0,31		0,31	
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,84	7,98	4,69	7,98	4,00
2.4	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	0,55	0,55		0,55	
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	83,79	178,15		178,15	
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	38,05	82,21		82,21	
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	1,11	34,75		34,75	
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	257,28	532,60	313,30	616,40	308,20
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	96,55	112,70		112,70	
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	307,23	313,33		313,33	
3	Đất khác	78,31	78,31		78,31	
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	78,31	78,31		78,31	

9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

9.1. Quy hoạch giao thông

a) Giao thông đối ngoại:

* Đường cao tốc:

▪ **Cao tốc Gò Dầu - Xa Mát (CT.32):** Điểm đầu giao với Cao tốc TP. Hồ Chí Minh – Mộc Bài tại huyện Gò Dầu; điểm cuối ở cửa khẩu Quốc Tế Xa Mát tại huyện Tân Biên. Đoạn qua địa bàn xã Thạnh Bình theo hướng Bắc Nam, chiều dài khoảng 13,6 km. Quy mô quy hoạch 4 làn xe, nền đường 30 m (mặt đường 21 m, lề đường 3,75 m mỗi bên, dây phân cách giữa 1,5 m).

* *Đường tỉnh:*

- Trên địa bàn xã có 5 tuyến đường tỉnh gồm:

+ **ĐT.793:** Điểm đầu giao với ĐT.785 tại ngã tư Tân Bình, đi theo ranh 2 huyện Tân Châu, Tân Biên; điểm cuối giao với ĐT.792 tại ngã ba Xe Cháy. Đoạn qua địa bàn xã Thạnh Bình dài khoảng 13,8 km. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp II, nền đường 23 m (mặt đường 15m, lề đường 3m mỗi bên, dây phân cách giữa 2m).

+ **ĐT.795:** Điểm đầu giao với QL.22B tại thị trấn Tân Biên; điểm cuối hồ Dầu Tiếng tại xã Tân Thành, huyện Tân Châu. Đoạn qua địa bàn xã Thạnh Bình dài khoảng 9,4 km. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp II, nền đường 23m (mặt đường 15m, lề đường 3m mỗi bên, dây phân cách giữa 2m).

+ **ĐT.797:** Điểm đầu giao với QL.22B tại ngã ba Thiện Ngôn; điểm cuối giao với ĐT.794 tại xã Suối Ngô – huyện Tân Châu. Đoạn qua địa bàn xã Thạnh Bình dài khoảng 9,7 km. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp III, nền đường 15m (mặt đường 7m, lề đường 4m mỗi bên).

+ **ĐT.795C:** Điểm đầu giao với ĐT.795 tại xã Suối Dây - huyện Tân Châu; điểm cuối ở cửa khẩu phụ Hòa Hiệp tại xã Hòa Hiệp – huyện Tân Biên. Đoạn qua địa bàn xã Thạnh Bình dài khoảng 5,3 km. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp III, nền đường 15m (mặt đường 7m, lề đường 4m mỗi bên).

+ **ĐT.795D:** Điểm đầu giao với QL.22B tại xã Thạnh Tây; điểm cuối giao với ĐT.785 tại xã Tân Hiệp – huyện Tân Châu. Đoạn qua địa bàn xã Thạnh Bình dài khoảng 8,5 km. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp III, nền đường 15m (mặt đường 7m, lề đường 4m mỗi bên).

* *Đường huyện:*

- Trên địa bàn xã có 6 tuyến đường huyện gồm:

+ **ĐH. Thạnh Bình - Xóm Chàm (ĐH.703):** Điểm đầu tại xã Thạnh Bắc; điểm cuối giao với ĐT.795 tại xã Thạnh Bình. Đoạn qua địa bàn xã Thạnh Bình dài khoảng 8,2 km. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, nền đường 10m (mặt đường 8m, lề đường 1m mỗi bên).

+ **ĐH. Thạnh Bình - Cầu Xe Be (ĐH.704):** Điểm đầu giao với ĐT.797; điểm cuối giao với ĐT.795 tại xã Thạnh Bình. Đoạn qua địa bàn xã Thạnh Bình dài khoảng 8,9 km. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, nền đường 10m (mặt đường 8m, lề đường 1m mỗi bên).

Thuy J

+ **ĐH. Thạnh Bình – Gò Cát (ĐH.721):** Điểm đầu giao ĐH. Thạnh Bình – Trà Vong (ĐH.718) tại xã Tân Phong; điểm cuối giao với ĐT.795 tại xã Thạnh Bình. Đoạn qua địa bàn xã Thạnh Bình dài khoảng 5,8 km. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, nền đường 10m (mặt đường 8m, lề đường 1m mỗi bên).

+ **ĐH. Thạnh Bình – Trà Vong (ĐH.718):** Điểm đầu giao với ĐH.713 tại xã Trà Vong; Điểm cuối giao với ĐT.795 tại xã Thạnh Bình. Đoạn qua địa bàn xã Thạnh Bình dài khoảng 5,6 km. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, nền đường 10m (mặt đường 8m, lề đường 1m mỗi bên).

+ **ĐH. Thạnh Tây – ĐT.793 (ĐH.716):** Điểm đầu tại thị trấn Tân Biên; Điểm cuối giao với ĐT.793. Đoạn qua địa bàn xã Thạnh Bình dài khoảng 9,9 km. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, nền đường 10m (mặt đường 8m, lề đường 1m mỗi bên).

+ **ĐH. Thị Trấn Lâm Trường (ĐH.701):** Điểm đầu giao ĐT.795 tại thị trấn Tân Biên; Điểm cuối giao với ĐH. Thạnh Bình – Xóm Chàm (ĐH.703) tại xã Thạnh Bình. Đoạn qua địa bàn xã Thạnh Bình dài khoảng 01 km. Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp IV, nền đường 10m (mặt đường 8m, lề đường 1m mỗi bên).

b) Giao thông đối nội:

* *Đường xã:*

▪ Trên địa bàn xã có 3 tuyến đường xã được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp A, nền đường 10m (mặt đường 7m, lề đường 1,5m mỗi bên).

* *Đường ấp (thôn):*

Trên địa bàn xã có 23 tuyến đường ấp được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp B, nền đường 6m (mặt đường 4,5m, lề đường 0,75m mỗi bên).

* *Đường dân sinh (ngõ xóm), đường nội đồng:*

Các tuyến đường còn lại trên địa bàn xã được quy hoạch theo tiêu chuẩn đường cấp B-C-D, nền đường tối thiểu 3 m (mặt đường tối thiểu 2,5m, lề đường tối thiểu 0,25m mỗi bên).

9.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt

a) Quy hoạch cao độ nền:

- Khu vực đã xây dựng với mật độ cao: Giải pháp san nền cho các khu vực này là: giữ nguyên địa hình hiện trạng. Công tác chuẩn bị kỹ thuật chủ yếu là giải quyết việc thoát nước mặt.

- Khu vực xây dựng mới: Giải pháp san nền trong từng khu đất được thiết kế trùng với hướng dốc địa hình tự nhiên để tránh đào đắp, cao độ nền được thiết kế cao hơn mặt đường để thuận lợi cho giải pháp thoát nước mặt. Giải pháp nền chủ yếu là san lấp cục bộ từng hạng mục công trình.

- Độ dốc nền thiết kế khu công nghiệp tối thiểu 0,3%
- Đường giao thông:
- + Độ dốc ngang: 2%.
- + Độ dốc dọc tối thiểu: 0,3%.
- + Chiều cao bó vỉa: 0,20m.

b) Quy hoạch thoát nước mặt

- Hệ thống thoát nước mưa các điểm dân cư xã Thạnh Bình được thiết kế mới, hệ thống thoát nước mưa là hệ thống thoát nước riêng. Lưu vực thoát nước mưa được chia thành nhiều lưu vực nhỏ, nhằm mục đích giảm chiều dài và tiết diện cống thoát nước mưa. Xây dựng mới các tuyến cống thoát nước mặt để đảm bảo thoát nước mặt triệt để cho khu vực, tránh ngập úng cục bộ.

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế là hệ thống cống tròn BTCT. Cống được thiết kế đặt trên hè, chạy dọc theo các tuyến đường để thu nước từ công trình và mặt đường. Nước mưa được thoát ra suối Ky, suối Bà Bi và các kênh rạch nhỏ khác.

9.3. Quy hoạch cấp nước

- Tổng nhu cầu cấp nước toàn xã 4.300 m³/ngày:
- Nguồn nước cấp:

+ Nguồn nước mặt gồm các suối như: suối Ky, suối Bà Bi, Suối Săn Máu,... thường xuyên thừa nước trong mùa mưa, nhưng thiếu nước trong mùa khô. Do vậy, nguồn nước mặt không ổn định về trữ lượng, không sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

+ Nguồn nước ngầm ở xã Thạnh Bình phân bố rộng khắp trên địa bàn, tổng mức nước ngầm có thể khai thác là 50 – 100 nghìn m³/giờ, vào mùa khô vẫn có thể khai thác nước ngầm đảm bảo chất lượng cho sản xuất và đời sống của người dân.

- Mạng lưới cấp nước:

+ Nguồn nước ngầm chất lượng tốt và trữ lượng dồi dào, đáp ứng nhu cầu cấp nước sinh hoạt. Do đó chọn nguồn nước cấp là nguồn nước ngầm.

+ Dân cư tập trung theo từng điểm, trải dài theo các tuyến đường nên bố trí các trạm cấp nước như sau:

+ Tận dụng trạm cấp nước ngầm hiện hữu, nâng cấp và cải tạo, đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của các điểm dân cư số 1, 2, 3, 5, 6 và 7 với tổng công suất 1.400 m³/ngày và điểm dân cư 8, công suất 300 m³/ngày.

9.4. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- a) Quy hoạch thoát nước thải:

Thuyet

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt: 3.300 m³/ngày.
- Nước thải từ nhà dân, các công trình công cộng phải được xử lý bằng bể tự hoại trước khi thải ra cống gom.
- Các điểm dân cư mật độ thấp, lượng nước thải nhỏ, nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại được thoát chung với hệ thống thoát nước mưa.
- b) Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:
 - Quản lý CTR:
 - + Tổng lượng CTR: khoảng 16 tấn/ngày.
 - + Tổng lượng rác thải tiêu thụ công nghiệp: khoảng 24,2 tấn/ngày
 - + Thành lập đội thu gom CTR cho xã, tất cả CTR được thu gom và vận chuyển đến bãi rác huyện.
 - Nghĩa trang:
 - + Hiện tại xã có 5 nghĩa trang nghĩa địa tập trung, khoảng cách đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường đối với nguồn cấp nước sinh hoạt tập trung và mép điểm dân.
 - + Nhu cầu đất nghĩa địa: 1,2 ha.
 - + Diện tích đất nghĩa địa của xã hiện nay 8,2 ha.

9.5. Quy hoạch cấp điện

a) Tổng công suất điện yêu cầu: 16.035 KW.

b) Nguồn điện:

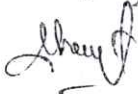
Nguồn cấp điện là tuyến trung thế 22kV từ lưới trạm 110kV Tân Biên đưa đến qua đường ĐT.793, ĐT.795.

9.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

- Số lượng thuê bao cần thiết: 6.384 thuê bao.
- Hiện nay xã Thạnh Bình đã có điểm bưu điện văn hóa xã Thạnh Bình, với quy mô dùng nhu cầu thuê bao tính trên cần nâng cấp điểm bưu điện văn hóa xã Thạnh Bình thành bưu cục cấp 3 để phục vụ người dân trong xã được tốt hơn. Ngoài ra khu tiêu thụ công nghiệp cần xây dựng mới các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông để phục vụ cho khu vực quy hoạch này.

10. Chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

- Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các tiêu chí nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.
- Lập QHCT điểm dân cư trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung.
- Xây dựng mới và cải tạo nâng cấp các công trình hạ tầng xã hội: Sân thể



dục thể thao xã, các khu công viên, sân thể thao các ấp, nhà văn hóa ấp,....

- Đầu tư xây dựng và nâng cấp các tuyến đường xã và các tuyến đường nội đồng chính.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Giao UBND xã Thạnh Bình tổ chức công bố, công khai quy hoạch theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND xã Thạnh Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *TM*

Nơi nhận: *Thuy*

- Như Điều 3.
- Sở Xây dựng;
- TT.HU + TT.HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT.UBND huyện;
- LĐVP + NCTH;
- Lưu: VT, PKTHT.

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN

TM CHỦ TỊCH
PHỤ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Trỗi